

VĂN HOÁ DÂN GIÀN VIỆT NAM



GIẢNG VIÊN: TRẦN LONG

Văn hoá ứng xử của người bình dân Việt Nam

Ứng xử ?

ứng xử là hành vi, thái độ (của con người) trong cách giải quyết các vấn đề liên quan đến tự nhiên và xã hội.

Hành vi, thái độ đó được biểu lộ qua hoạt động khai thác các yếu tố tích cực của tự nhiên và xã hội hoặc qua hoạt động hạn chế những tác động tiêu cực của tự nhiên và xã hội.

Văn hoá ứng xử

- một loại sản phẩm/ những sản phẩm hình thành qua quá trình con người tiếp xúc, giải quyết các mối quan hệ với tự nhiên và xã hội (cách khai thác, tôn tạo và ứng phó với tự nhiên, những cử chỉ, thái độ trong cách giải quyết vấn đề nhằm ủng hộ cái tốt, cái tích cực và lên án, phê phán cái xấu, cái tiêu cực trong xã hội).

- kiểu, dạng (hoặc cách thức, hình thức, xu hướng) lựa chọn để thích nghi với tự nhiên và với xã hội: **tôn trọng hay coi thường tự nhiên, đã khai thác tự nhiên như thế nào trong quá trình tồn tại và phát triển, đã giải quyết các vấn đề nói trên thiên về lý trí hay tình cảm, đã đánh giá con người theo hướng trọng đức độ hay trọng tài năng, đã có thái độ như thế nào với người già, phụ nữ, với tiền của, danh dự v.v..**

-> đặc điểm tư duy, tâm lí (dân tộc, khu vực) => bản sắc

Biểu hiện của văn hoá ứng xử

- * Ứng xử với tự nhiên***
- * Ứng xử trong xã hội***

Phương Đông và phương Tây (văn hoá)



© 1993-2003 Microsoft Corporation. All rights reserved.



Môi trường (Địa – Kinh tế - Văn hoá)

Cắt dọc: Đông – Tây

Cắt ngang:

Môi trường địa lí → Điều kiện sống

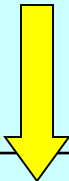
→ Nhận thức, Tổ chức, Ứng xử, Sáng tạo nghệ thuật
=> Đặc trưng VH

Vùng khí hậu	Đất đai	Kinh tế-VH
Xích đới, nhiệt đới Cận nhiệt đới	Hoang mạc khô hanh	Du mục đá cát
	Châu thổ (đất bùn)	NN lúa nước
Ôn đới	Bình nguyên (đất khô) Thảo nguyên ôn hoà	NN lúa khô Du mục đồng cỏ
Hàn đới, địa cực	Hoang mạc khô lạnh	Du mục băng tuyết

Ứng xử với tự nhiên

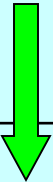
- Trong ăn mặc
- Trong ở và đi lại
- Trong phòng và trị bệnh

Khai thác tự nhiên để ứng phó với tự nhiên - trong cách ăn

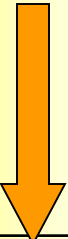
Môi trường địa lí  	Kinh nghiệm sử dụng nguồn lương thực, thực phẩm có sẵn hoặc dễ tìm kiếm, dễ nuôi trồng => thích nghi => cơ cấu bữa ăn truyền thống. Kinh nghiệm tìm, chọn thức ăn theo mùa. Kinh nghiệm chế biến, bảo quản thức ăn, thức uống phù hợp khí hậu luôn biến đổi Kinh nghiệm cân bằng vị tính trong ăn uống (ăn uống cũng là cách chữa bệnh)
Môi trường sống 	Ăn chung => kinh nghiệm ăn uống tập thể: bày, trí, cách ăn (bữa ăn ngon phụ thuộc nhiều yếu tố như: không gian, thời gian, con người (tình trạng sức khỏe đối tượng), vị tính, màu sắc) => Đặc điểm văn hoá ẩm thực

Vi Tính Vật	CHUA, ĐẮNG, MẶN (ÂM)			CAY, NGỌT, LẠT (DƯƠNG)	
	HÀN	LƯƠNG	BÌNH	ÔN	NHIỆT
RAU TƯƠI	rau chua, me đất, giá đậu xanh rau khoai, rau má, rau mã đề, mồng tơi, rau sam	cải bắp, cải thìa, măng, cây chuối non, mơ tam thể, rau diếp, rau đay, su hào, rau muống, bồ ngót, xà lách, xương sông	cải cay, cải củ, súp lơ, hoa chuối, lá chanh, bí ngô	bạc hà, cà rốt, diếp cá, đinh lăng , hành tây, húng chanh, húng quế, kinh giới, ngải cứu, nghệ, kiệu, rau răm, sả, tiá tô, tỏi tây	gừng, ớt, riềng, tỏi ta
CỦ CÓ BỘT	củ từ, sắn dây	khoai lang, khoai dong	củ mài, khoai sọ, khoai tây	khoai nưa, sắn	
NGŨ CỐC	Đậu xanh	Đậu đen	đậu trắng, gạo tẻ, kê, mì, ngô, sen	đậu đỏ, đậu Hà Lan, đậu tương, đậu ván trắng, gạo nếp, gạo tẻ rang	
CHẤT NGỌT, BÉO		đường mật mía, dầu vừng	mật ong tươi, dầu lạc, mỡ lợn	đường cô, mật ong cô, mỡ bò, mỡ chó, mỡ dê	
GIA VI	dành dành, dấm me, phèn chua.	băng sa, dấm thanh, muối ăn, diêm tiêu, mì chính, mộc nhĩ .		cần, húng liù, tương ớt, vỏ cam, vỏ quýt	đinh hương, hạt tiêu, hồi, quế, thảo quả
QUẢ TƯƠI THỨC UỐNG	cam,chanh, khế chua, măng cầu xiêm, me, vú sữa, xoài	chè xanh, dừa, hoa hoè sao, mía, thạch xoa, nhãn, sa bô chè, đu đủ	chè hương, chè khô	bia, cà phê, chè hạt nhị sen, rượu vôi, chanh muối	quýt, măng cầu ta, măng cụt

Khai thác tự nhiên để ứng phó với tự nhiên trong cách mặc

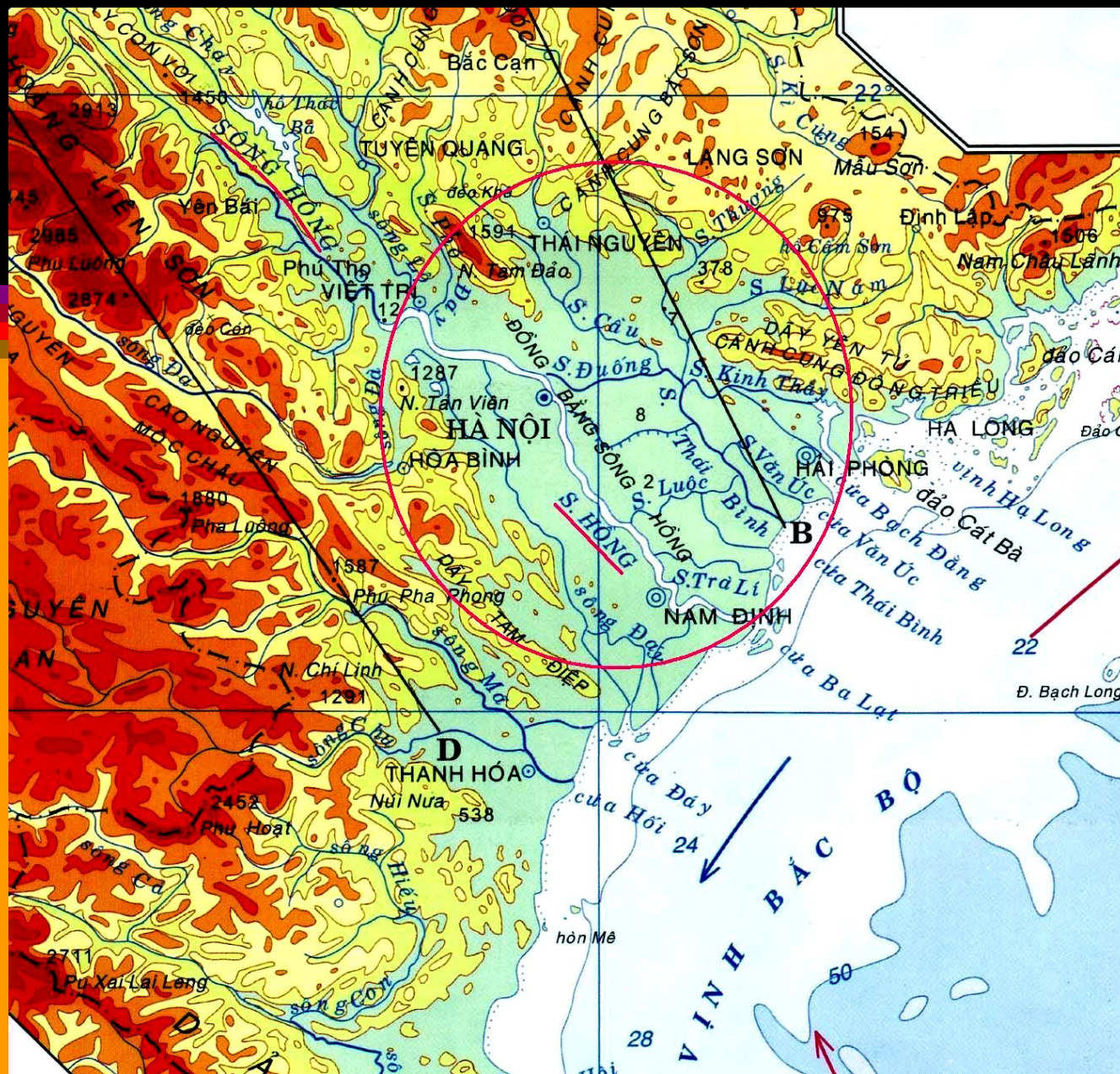
Môi trường địa lí 	Nguồn vật liệu tự nhiên: đay, gai => tận dụng => kinh nghiệm chọn lựa, xử lí chất liệu Kỹ thuật dệt, may → Kinh nghiệm thiết kế trang phục theo lối hờ: nam đóng khố, nữ mặc yếm, váy Kinh nghiệm bảo quản quần áo
Môi trường sống	→ Văn hoá mặc của cộng đồng => hình thành các biểu tượng, hoa văn trên áo, váy, khăn, nón... -> thể hiện bản sắc tộc người

Khai thác tự nhiên để ứng phó với tự nhiên trong cách ở

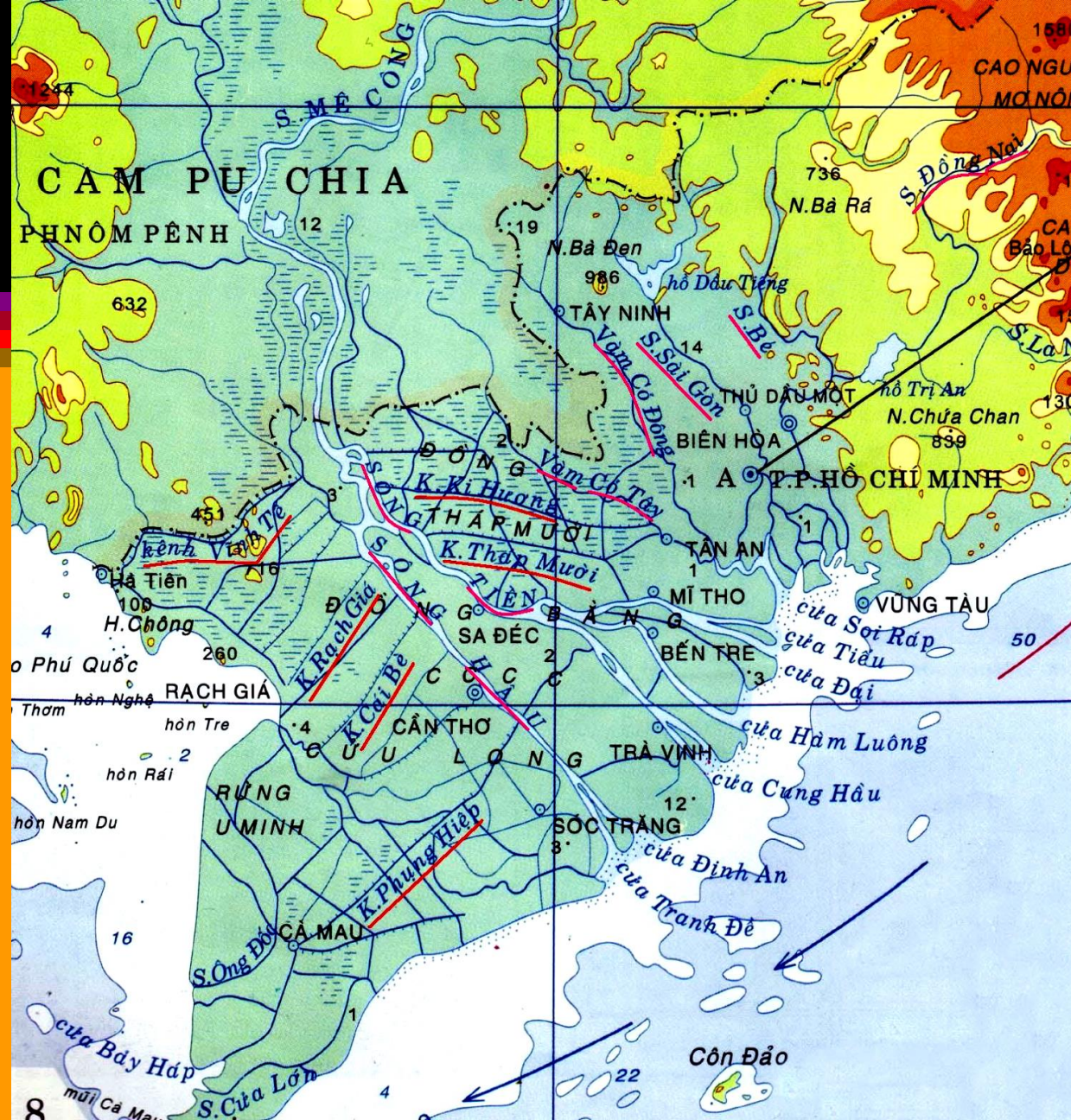
Môi trường Địa lí  	Địa hình miền núi, đồng bằng, sông hồ + nguồn vật liệu tự nhiên => tận dụng, lựa chọn => kinh nghiệm xử lí mặt bằng để đặt nền nhà, xử lí vật liệu Thiết kế nhà ở phù hợp môi trường tự nhiên vùng Đông Nam Á: hướng nhà, kĩ thuật xây dựng với hệ thống cột, kèo, xà, mái hình cong; bố trí nhà bếp, bảo trì nhà ở... (kiểu nhà sản xuất hiện rất sớm, phù hợp khí hậu, địa hình khu vực) Thuật phong thủy tìm thế đất đạt cân bằng sinh thái để cư trú
Môi trường sống 	Hình thành kiểu nhà sinh hoạt tập thể (nhà nhiều gian, nhà dài, nhà rộng, đình) => Văn hoá cư trú của cộng đồng.

Khai thác tự nhiên để ứng phó với tự nhiên trong cách di chuyển

Môi trường	Nguồn vật liệu tự nhiên => tận dụng => kinh nghiệm lựa chọn chất liệu, tạo tác ghe thuyền, làm khiêng, vồng, cán ...
Địa lí	Kinh nghiệm xây dựng cầu: cầu treo, cầu khỉ, cầu cây ... Kinh nghiệm đóng thuyền bè đi lại vùng ghềnh thác, sóng biển
Môi trường sống	Đóng loại thuyền/đò chở nhiều người (đò ngang/đò dọc, thuyền chiến (nhiều khoang) -> Văn hoá đi lại của cộng đồng



Hệ thống sông ngòi Bắc Bộ
Nguồn: Atlat địa lí Việt Nam 2002, NXB Giáo



Hệ thống sông ngòi, kênh rạch Nam Bộ
 Nguồn: Atlas địa lí Việt Nam 2002, NXB Giáo

□ Theo sử sách Trung Quốc cổ, miền đất Văn Lang là "xứ sở của những người sống được dưới mặt nước" (ý nói bơi lặn giỏi) ; ở đất Việt cổ "việc trên cạn ít, việc dưới nước nhiều"; "dân quen ở nước " ; "Vua Thang vua Vũ là thánh chúa cũng không thể cùng người Việt chèo thuyền trôi nổi trên sông nước" ; "Người Việt thạo thủy chiến, giỏi dùng thuyền".

Thuyền Đông Sơn



Hải diều bay mừng khi thuyền về
(Thạp Đào Thịnh)

Khai thác tự nhiên để ứng phó với tự nhiên trong phòng trị bệnh

Môi trường	Nhận thức về nguyên nhân bệnh tật (ngoại nhân và nội nhân)-> Kinh nghiệm phòng bệnh
Địa lí	 * Trị bệnh theo kinh nghiệm * Tận dụng tự nhiên -> dược liệu tự nhiên: Thảo dược, mộc dược, thú dược, nhân dược * Bốc thuốc theo phong thổ phương Nam: Bài thuốc Nam phổ thông * Kinh nghiệm chế biến, bảo quản thuốc theo khí hậu nhiệt đới: phơi, sao, sấy, nướng, nấu cao...
Môi trường sống	  * Các thành viên có thể tư vấn về phòng trị bệnh * Tục hái thuốc ngày mùng 5 tháng 5 âm lịch * Gìn giữ những bài thuốc giấu...



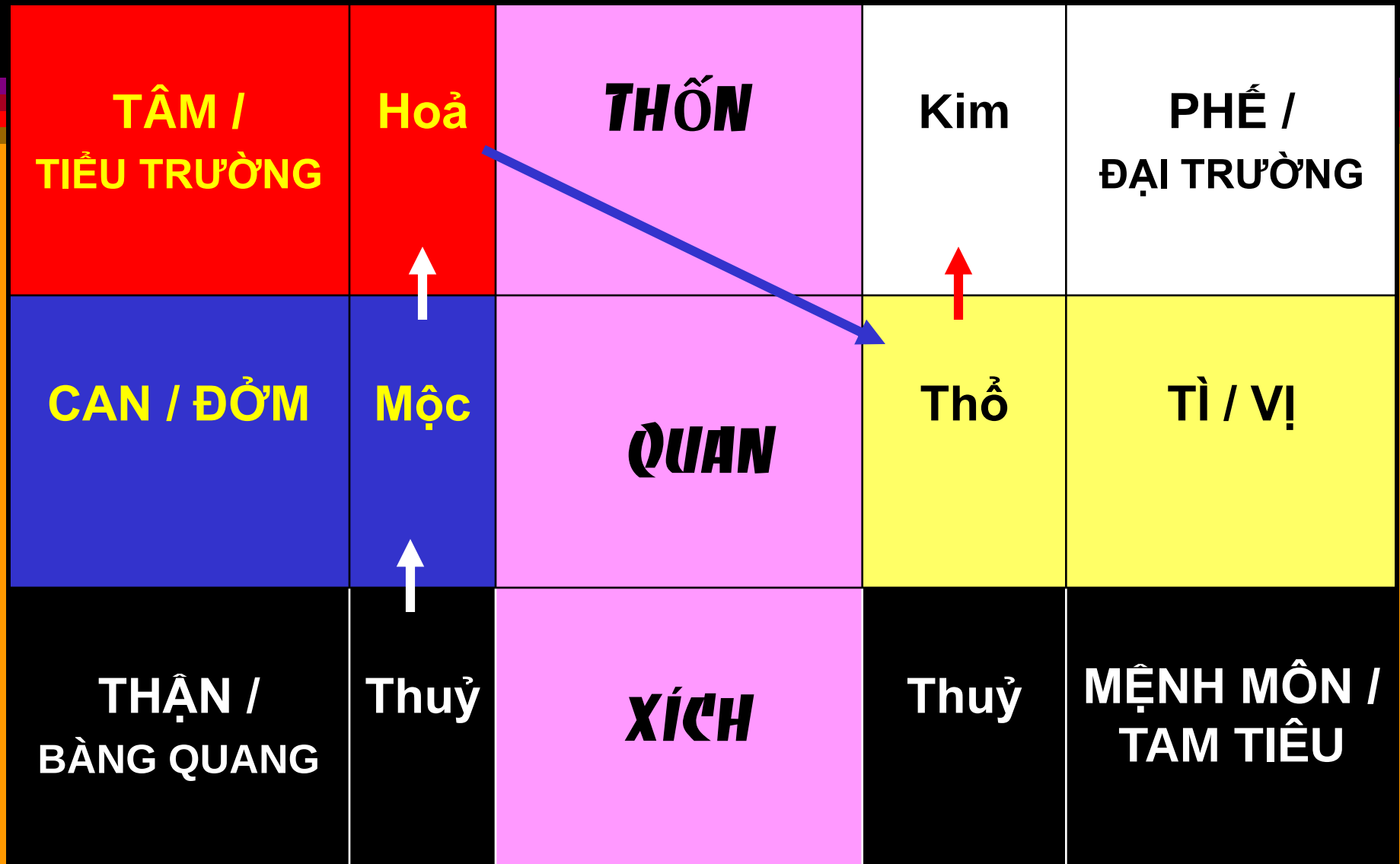
Nội nhân

Ăn uống
Phòng dục
Tình chí

Đoán bệnh

- * **Xem hình sắc**
- * **Nghe tiếng nói, hơi thở...**
- * **Hỏi hoàn cảnh sống, thời gian phát bệnh, những biểu hiện khác thường...**
- * **Chạm tay vào người bệnh xem nóng lạnh, xem mạch đập nhanh chậm...**

Bộ mạch theo Ngũ Hành



Cách dùng thuốc chữa bệnh

- * Tận dụng dược liệu tự nhiên: cây cỏ, muôn thú, các loại đá ...**
- * Chế biến bảo quản thuốc phù hợp khí hậu nhiệt đới: phơi, sao, sấy, nướng, nấu cao...**
- * Đơn vị tính: đồng cân, lạng, đấu, thương, thạch (chính xác), hạt ngô đồng, nắm, bát, cọng, tép... (ước chừng)**
- * Dựa vào tính dược để lập bài thuốc**
- * Vật ăn, thức uống cũng là thuốc. Hợp thang linh hoạt không theo lối: quân, thần, tá, sứ**

Bài thuốc nam căn bản

1	Rễ tranh	Nhuận tiểu	8g
2	Lá muồng trâu	Nhuận trường	4g
3	Rau má	Nhuận gan	8g
4	Cỏ mực	Nhuận huyết	8g
5	Cỏ mần chầu	Giải trừ độc	8g
6	Cam thảo nam	Tiêu khát	8g
7	Ké đầu ngựa	Trừ phong độc	8g
8	Vỏ quít	Trị ói, sinh bụng	4g
9	Củ sả	Trị viêm, thông khí	4g
10	Gừng tươi	Tiêu đờm, kích tiêu, làm ấm	2g

Giá trị khoa học của bài thuốc

- 1. Giúp đỡ tiêu hoá: kích tiêu, nhuận gan.**
 - 2. Giúp đỡ hấp thu: thông suốt đường ruột, giải độc, thông suốt đường huyết.**
 - 3. Giúp đỡ bài tiết: nhuận trường, nhuận tiểu.**
- * Tác dụng chung: phòng trị bệnh, giải độc.**

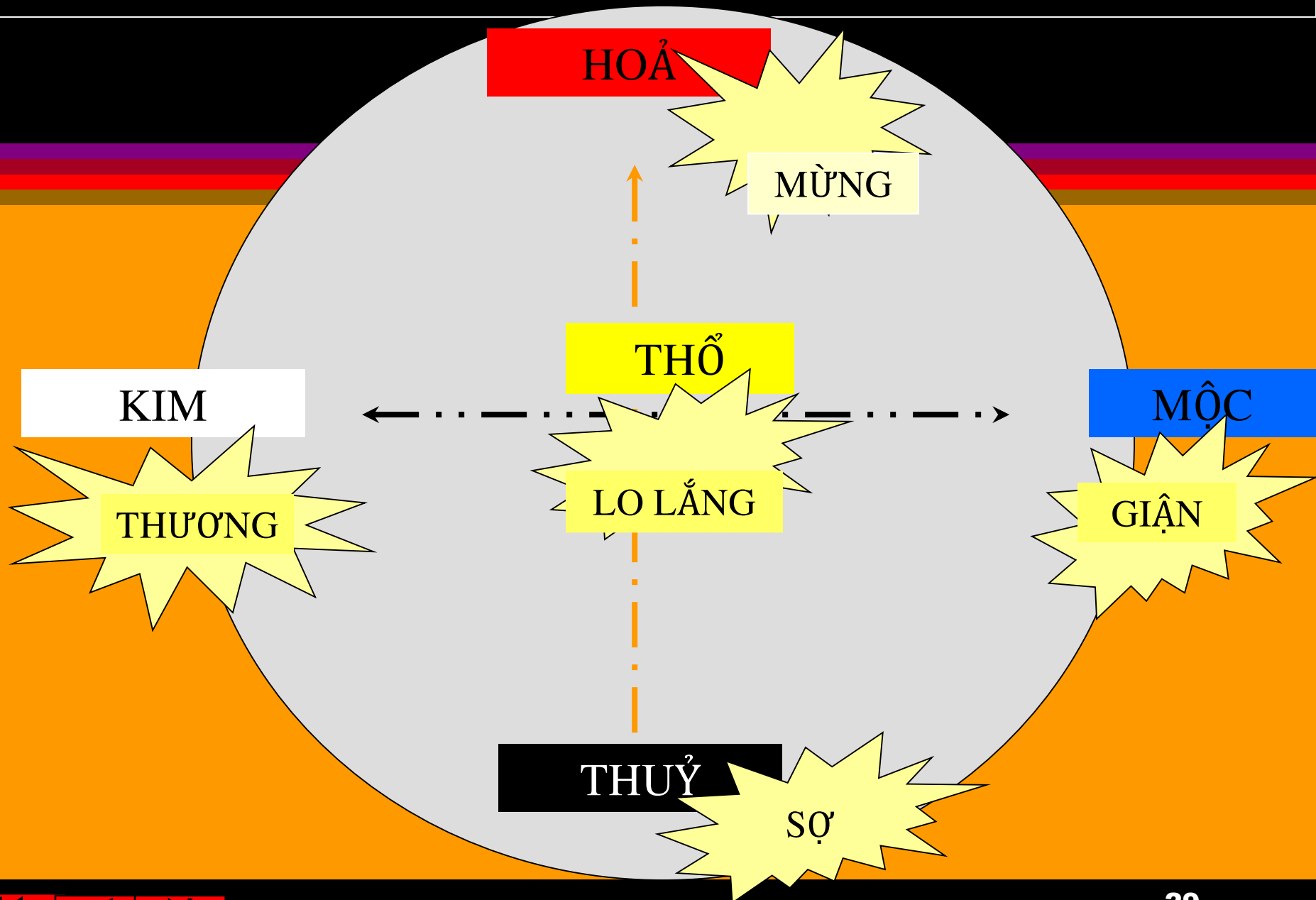
Bài thuốc độc vị

- * Dùng cây cỏ (mộc dược, thảo dược)???
- * Dùng muôn thú (thú dược) ???
- * Dùng nhân dược ???
- * Loại khác ???

Cách chữa bệnh không dùng thuốc (dựa vào hệ kinh lạc)

- * Chích lễ**
- * Giác**
- * Xông**
- * Cào, nẻ, gõ**
- * Day, ấn**
- * Nhổ, giật tóc**
- * Ngâm nước ấm**
- Đạp lên sỏi, đạp lên khúc cây**
- * Kết hợp châm cứu và phương thức dân gian**

Phép chữa bệnh tình chí theo Ngũ Hành



Tập quán cộng đồng

Những tập tục thường thấy

- hái thuốc ngày mùng 5 tháng 5 âm lịch
- truyền miệng kinh nghiệm phòng trị bệnh
- giữ gìn và lưu truyền bài thuốc giấu
- ???

Ứng xử xã hội

1. Ứng xử thường ngày
2. Ứng xử trong thời điểm quan trọng

Ứng xử thường ngày

Coi trọng mọi mối quan hệ, trọng danh dự, trọng ơn nghĩa, trọng thể diện lẫn nhau.

Có quan điểm rõ ràng điểm đối với cái xấu, cái ác, cái không ưa thích nhưng biểu lộ thái độ rất khéo léo, tinh tế.

Vị tha, nhân ái (có thể hiểu là rộng lượng, thương người)

Nêu cao tinh thần hy sinh, lòng dũng cảm, tài trí đức độ.

Nhạy cảm và quý trọng cái đẹp.

Coi trọng chữ hiếu.

Ứng xử trong thời điểm quan trọng

- Ứng xử trong dịp tết
- Ứng xử trong cưới hỏi
- Ứng xử trong sanh đẻ
- Ứng xử trong tang ma
- Ứng xử trong cúng bái

Ứng xử trong dịp tết

Trong dân gian Việt Nam hiện còn nhiều lễ tết ở những thời điểm khác nhau trong năm. Người Việt thường có hai lễ tết lớn trong năm (tết Nguyên Đán và tết Đoan Ngọ). Người Chăm ăn tết vào dịp lễ Katê khoảng cuối tháng 9 Dương lịch Người Khmer có tết Chol-chnam-thmay vào các ngày 14, 15 và 16 tháng 4 Dương lịch. Người Cơ Ho (Lâm Đồng) ăn tết Tết Nhô LirBông sau Tết Nguyên đán của người Kinh độ một tháng. Người Ê Đê ở Đắk Lắk ăn Tết Cơm Mới vào khoảng tháng 10 dương lịch ...

Tết đầu năm có nhiều ý nghĩa tốt đẹp: mọi người thăm viếng, chúc tụng nhau; các thành viên trong gia đình bày tỏ tình cảm của mình với ông bà, cha mẹ, con cháu; mọi người cùng tham gia lễ hội, cùng chia sẻ niềm vui chung.

Tết là dịp để xoá tan những vướng mắc trong năm cũ, xây dựng tình hoà hiếu trong xóm làng, hướng đến tương lai tốt đẹp.

Ứng xử trong cưới hỏi

- Hôn nhân thời Văn Lang “ trai gái lấy nhau chưa dùng trầu cau mà lấy nắm đất (phong muối) làm tin”. Trai gái tự do yêu đương và tự do lựa chọn trong hôn nhân (vua Hùng cũng chấp nhận tình yêu của con gái với một người bình dân nghèo)
- Sự tích trầu cau: hôn nhân một vợ một chồng; văn hoá hôn nhân của nền văn minh thực vật; không chỉ là hiện tượng văn hoá của tầng lớp trên mà phổ biến trong toàn dân
- Qua quá trình tiếp biến lễ tục phương Bắc, dưới áp lực của lễ nghi phong kiến, phong tục hôn nhân của giới bình dân có xu hướng lễ nghi hoá; phức tạp hoá.

Các bước chính của nghỉ thức cưới hỏi thời phong kiến

- **Lễ nạp thái:** Người nhà trai sang nhà gái đề nghị nhà trai đã chọn cô gái của gia đình ấy làm dâu.
- **Lễ vấn danh:** Nhà trai sang xin tên, ngày tháng năm sinh của cô gái.
- **Lễ nạp cát:** Nhà trai trình cho nhà gái biết đã xem được quẻ tốt về cuộc hôn nhân giữa đôi trai gái.
- **Lễ thỉnh kỳ:** Nhà trai báo cho nhà gái ngày tốt để làm đám cưới.
- **Lễ nạp tệ:** Nhà trai mang nữ trang, tiền bạc, lễ vật đến cho nhà gái.
- **Lễ nghinh thân:** Còn gọi nghinh hôn, thân nghinh nhà trai sang đón dâu về.

Văn hoá ứng xử trong cưới hỏi truyền thống

- **Tôn trọng tự do yêu đương, nữ giới đi cưới chồng (tính nhân bản)**
- **Tục lệ giản đơn nhưng kéo dài giai đoạn tiền hôn nhân: tục ở rể, làm rể (tính nhân bản)**
- **Luật tục bảo vệ quyền lợi người phụ nữ (tính nhân văn)**

Ứng xử trong sanh đẻ

Các giai kỳ sinh con

ôm nghén - ăn rở - sinh nở - chôn nhau sâu và tránh chỗ nước giọt - nằm than, kiêng gió – ăn muối hấp, nước mắm chưng trong 3 ngày sau sinh - đầy cữ (trai 7 ngày, gái 9 ngày) – xông muối – xoa nghệ ra ngoài.

Văn hoá sinh sản truyền thống

- Theo đòi hỏi của phương thức sản xuất nông nghiệp, người phụ nữ là công cụ sản xuất sức người và sức của.
- Một mặt coi trọng phụ nữ, mặt khác những kiêng kỵ về thai sản bó buộc phụ nữ (nhất là khi XH xuất hiện giai cấp, xuất hiện tư tưởng trọng nam khinh nữ)
- Tri thức về thai sản, sinh nở dựa vào kinh nghiệm vùng miền, dân tộc (không hệ thống)
- Sinh đẻ là vấn đề riêng của cá nhân, làng xã không liên quan nhiều đến nhà nước (dân số, y tế, giáo dục, kinh tế...)

Tập quán truyền thống

Mỗi dân tộc tiến hành nghi lễ tang ma theo tập tục riêng

Tang ma Việt Nam thể hiện rõ đặc điểm đời sống của cư dân nông nghiệp trong khu vực Đông Nam Á: sự tiếc thương người chết bộc lộ qua tiếng khóc, lời kể.

Các hình thức táng phổ biến là địa táng, hoả táng. Một số dân tộc phía Bắc còn duy trì hình thức thuỷ táng và các hình thức riêng khác (đặt quan tài trong hang núi cao).

+ Những tục lệ thông thường:

- **Lập di ngôn (di chúc)**
- **Đặt tên thụy (tên hèm)**
- **Ghi giờ ngày tắt thở**
- **Mộc dục**
- **Cài hàm**
- **Hạ tịch**
- **Bỏ tiền gạo vào miệng người chết**
- **Đặt đầu quan tài hướng ra ngoài**
- **Mặc tang phục theo tôn ti**
- **Đưa tang theo hình thức “cha đưa, mẹ đón”**
- **Kiêng đưa linh cửu đi nhanh.**
- **Cha mẹ kiêng đưa tang con.**
- **Rắc giấy tiền vàng trên đường đưa tang.**
- **Lễ cúng thổ thần trước khi chôn.**
- **Gia đình có tang kiêng đi chúc tết.**

+ Tang ma của các dân tộc Tây Nguyên có lễ bỏ mả (sau khi chôn vài năm), của người Khơ me, người Chăm

Văn hoá ứng xử trong tang ma truyền thống

Tôn trọng xác và hồn người chết

- **Tục lệ thể hiện sự tiếc thương của người sống đối với người chết (kéo dài thời gian lưu giữ quan tài, khóc kể, nhiều lần cúng ngay sau khi chôn như mở cửa mả, tuần, 49 ngày, thời gian để tang 2-3 năm, lưu giữ bàn thờ trong nhà, cúng giỗ hàng năm và thắp nhang ngày sóc vọng, thăm viếng, làm sạch cỏ trên mộ... (Người Tây Nguyên làm lễ long trọng mới bỏ mả)**
- **Tang lễ truyền thống thể hiện triết lí Âm Dương Ngũ Hành.**
- **Tang ma, cúng giỗ được xem là sự biểu hiện của chữ hiếu**
- **Tang ma phản ánh tâm lý sợ nạn mãi lộ trong thế giới vô hình**

Ứng xử trong cúng bái

Tập quán thờ cúng truyền thống

Do tôn thờ dẫn đến hành vi cúng bái cho người và vật.

Trong văn hoá dân gian Việt Nam, hầu như nhân thần, vật thần nào được thờ đều được cúng bái.

Không phải lúc nào người ta cúng bái cũng do tôn thờ cái tốt, có khi người ta cúng bái vì sợ cái xấu (hoặc cái ác), dù vô hình nhưng nó có thể làm hại con người và cuộc sống cộng đồng.

Nơi thờ cúng

+ Đình miếu: Các vị thần được thờ:

- Thượng đẳng thần: Sóc Thiên Vương, Chử Đồng Tử, Liễu Hạnh (thiên thần), Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo (nhân thần).
- Trung đẳng thần: thần có tên nhưng không ghi rõ công trạng.
- Hạ đẳng thần: chính thần - Thành Hoàng (Phúc Thần).

+ Nhà thờ họ: Dòng họ lâu đời có nhà thờ Thủy tổ. Đồ thờ có thần chủ, hương án, gia phả. Bàn thờ xếp theo bậc cao thấp ứng với các vị đời trước, đời sau.

+ Nhà ở: Thờ ông bà cha mẹ và anh, chị, em, con cái chết sớm. Nhà có đạo thờ thần thánh theo tôn giáo.

+ Thiết chế tôn giáo:

- *Chùa của Phật giáo: thờ Phật Thích ca, Phật bà Quan thế âm bồ tát và các vị bồ tát khác*
- **Thánh thất của Cao Đài: thờ đa thần.**
- **Thánh đường của Islam: thờ thánh Ala, Môhamet**
- **Nhà thờ của Ki tô giáo: Chúa Giê su, các môn đồ**

Văn hoá ứng xử trong cúng bái

- Tự nguyện tự giác, là điều nghĩa
- Tỏ lòng tôn kính, biết ơn tiền nhân (truyền thống “Uống nước...)
- Giáo dục đạo lý dân tộc, đạo lý gia tộc, tinh thần tôn trọng lịch sử
- Cổ kết họ tộc, gia tộc
- Do thờ mà cúng nhưng có khi cúng mà không thờ
- Thờ cúng thiên về vụ lợi

Đặc trưng văn hoá ứng xử của người Việt Nam

**Những kiểu ứng xử có tính tích cực:
trọng quan hệ, trọng tình, trọng văn,
trọng đức, trọng phụ nữ, trọng tập thể
(làng nước, dân tộc)...**

**Những kiểu ứng xử có tính tiêu cực:
cào bằng, cục bộ địa phương, ích kỷ
hẹp hòi, gia trưởng...**

Văn hoá ứng xử & phong tục, tập quán

Hệ thống hành vi ứng xử của các thành viên trong cộng đồng (trước tác động của tự nhiên và xã hội) được lặp đi lặp lại qua nhiều thế là cơ sở hình thành phong tục, tập quán của cộng đồng đó

Phong tục, tập quán?

- *Phong tục là những quy ước chung về các nguyên tắc ứng xử giữa người với người, người với tự nhiên được cả cộng đồng chấp nhận và trở thành ý thức tự giác của mọi người.*
- *Tập quán là những lễ lối sinh hoạt phổ biến rộng rãi trong dân chúng suốt một thời gian dài và đã trở thành thói quen của cả cộng đồng.*

Nghiên cứu phong tục, tập quán như thế nào?

Tổng quát về văn hoá ứng xử VN

Môi trường địa lí	* Địa hình, khí hậu quy định điều kiện sống: Châu thổ + khí hậu nhiệt đới - > thích hợp nghề trồng lúa nước * Chu kì sinh trưởng cây lúa nước => từ thung lũng chuyển xuống đồng bằng -> dẫn thủy nhập điền. * Sản xuất nông nghiệp + thuần dưỡng động thực vật. * Khai thác vùng núi, biển, sông, hồ... => Chế tác công cụ lao động phù hợp điều kiện mưu sinh. * Cách ăn, ở, mặc, đi lại phù hợp khí hậu, địa hình, cách mưu sinh
Môi trường sống	* Sống co cụm -> khai phá đất công, kinh nghiệm văn công. đổi công, kinh nghiệm tự quản * Công việc nặng nhọc phải hợp sức (lao động tập thể): kéo gỗ, kéo lưới, giã gạo ... tập thể * Trọng tự nhiên, trọng tập thể, trọng quan hệ...

Điểm khác nhau giữa lũ, lụt, nước nổi

Tiêu chí Hiện tượng	Nước dâng	Diện phủ	Địa điểm	Thời điểm	Ảnh hưởng
Lũ	Rất nhanh, tính theo giây phút	Hẹp, vùng suối, sông đầu nguồn	Tây Bắc, Đông Bắc, Trường Sơn	Mọi thời điểm. (Bất thường)	Phá hoại > Mang phù sa
Lụt	Hơi nhanh, tính theo giờ	Rộng, vùng châu thổ	Bắc Bộ, Trung Bộ	Mùa mưa bão. (Có quy luật)	Mang phù sa > Phá hoại
Nước nổi	Không nhanh, tính theo ngày	Rộng, vùng châu thổ	Nam Bộ	Nửa cuối mùa mưa Nam Bộ. (Có quy luật)	Mang phù sa + Đem nguồn lợi thủy sản

Nhận định chung:

Khai thác tự nhiên để ứng phó với tự nhiên

Phương thức lao động và công cụ lao động chủ yếu làm nông nghiệp. Sản phẩm lao động nhằm tái sản xuất sức lao động.

Tri thức về tự nhiên mới dừng ở kinh nghiệm, chưa tích lũy tri thức một cách có hệ thống để cải tạo tự nhiên.

Tri thức xã hội đúc kết những kinh nghiệm sống trong môi trường làng bản nông nghiệp

=> đặc điểm của văn hoá nông nghiệp lúa nước truyền thống

Văn hoá tái hiện của người bình dân Việt Nam

Tái hiện ?

- Tái hiện là thuộc tính của bộ óc người. Hiện thực khách quan được tái hiện sau khi con người đã từng nghe, thấy, cảm nhận từ các sự vật, hiện tượng trong thực tiễn.

- “Từ điển Tiếng Việt” của Hoàng Phê giải thích tái hiện là “thể hiện lại hiện thực một cách chân thực, bằng sáng tạo nghệ thuật” [Hoàng Phê 2002: 885]

Tái hiện và sáng tạo

- * Tái hiện là một dạng hoạt động của bộ não con người nhằm phản ánh hiện thực thông qua con đường sáng tạo**
- Sáng tạo là hoạt động tạo ra yếu tố mới trên cơ sở những gì vốn có của các sự vật, hiện tượng.**

Các dạng hoạt động của con người như nhận thức, tổ chức, ứng xử, tái hiện đều có thể có yếu tố sáng tạo.

Văn hoá tái hiện

- một loại sản phẩm/ những sản phẩm hình thành trong quá trình con người dùng chất liệu nghệ thuật để thể hiện cảm xúc, tình cảm lẫn kinh nghiệm sống; toàn bộ tài sản sáng tạo nghệ thuật của các thành viên trong cả cộng đồng nhằm thoả mãn xúc cảm cá nhân và đáp ứng thị hiếu của tập thể

- kiểu, dạng (hoặc cách thức, hình thức, chiều hướng) mà con người lựa chọn để sáng tạo ra các tác phẩm nghệ thuật. **Theo hướng khách quan hay chủ quan, hiện thực hay lãng mạn, nhấn mạnh vào yếu tố tự nhiên hay yếu tố nhân tạo, chú ý tả thực hay cách điệu v.v..**

- > đặc điểm tư duy, tâm lí, tình cảm (dân tộc, khu vực)
=> bản sắc

Các phương thức tái hiện

(tái hiện tự nhiên và xã hội)

- ***Tái hiện hiện thực bằng màu sắc, đường nét, hình khối*** (Nghệ thuật tạo hình dân gian (hội hoạ, điêu khắc))
- ***Tái hiện hiện thực bằng âm thanh âm nhạc và động tác cách điệu*** (Âm nhạc và diễn xướng dân gian)
- ***Tái hiện hiện thực bằng ngôn từ*** (Thơ văn dân gian)

HTKQ ...> ÓC NGƯỜI ...> TÁI HIỆN.....> NGHỆ THUẬT



CHẤT LIỆU => PHƯƠNG THỨC THỂ HIỆN => TÁC PHẨM

Hội hoạ: Đường nét + màu sắc (vẽ, tô)

=> Hình tượng (tranh, ảnh)

Điêu khắc: ... + hình khối (khắc, chạm)

=> Hình tượng (tượng)

Văn chương: Ngôn từ (các biện pháp tu từ)

=> Hình tượng (văn, thơ)

Âm nhạc: Âm thanh âm nhạc (nhạc luật, giai điệu)

=> H.tượng (bản nhạc, bài hát)

Sân khấu: Động tác cách điệu

=> Hình tượng (bài, điệu múa)

...

**CHẤT LIỆU=> PHƯƠNG THỨC THỂ HIỆN => Hình tượng nghệ thuật
(BIỂU TƯỢNG)**

Tái hiện bằng màu sắc, đường nét, hình khối
(Nghệ thuật tạo hình dân gian (hội hoạ, điêu khắc))

HỘI HOẠ

Tranh giấy, tranh lụa, tranh cát ...

Một số loại tranh

Tiêu mục Loại tranh	Tên tranh	Vật liệu nền	Nguồn chất liệu màu	Kĩ thuật
Giấy	Đông Hồ	Giấy điệp	Tự nhiên	In ván
	Hàng trống	Giấy trắng	Tự nhiên	In ván + vẽ
	Kim Hoàng	Giấy đỏ	Tự nhiên	In ván + vẽ
Vải	Lụa	Lụa sợi nhỏ	Tự nhiên	Vẽ
Cát	Cát	Cát màu	Tự nhiên	Đổ theo khuôn
Đa vật liệu	Sơn dầu	Đa vật liệu	Hoá chất	Vẽ

TRANH ĐÔNG HỒ



BỊT MẮT BẮT DÊ



THẦY ĐỒ CỐC

TRANH HÀNG TRỒNG

CÁ CHÉP TRÔNG TRẮNG

RỒNG RẪN



TRANH KIM HOÀNG



Tranh lụa



Tranh lụa cổ



Nguyễn Trãi

Tranh cát



Tranh thêu



NGHỆ THUẬT ĐIÊU KHẮC

**Điêu khắc đá, khắc chạm gỗ,
Khâu làm nguội trong đúc đồng,
Tạo hình đắp nổi, ghép sành sứ**

GỒM SỨ MỸ THUẬT

Gồm sứ Bát Tràng

Gồm sứ Thanh Hà (Quảng Nam)

Gồm sứ Lái châu (Bình Dương)

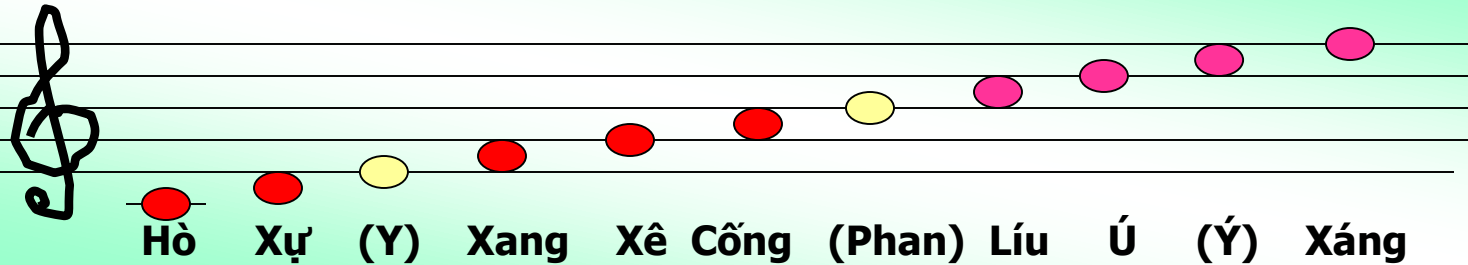
Gồm sứ Bàu Trúc (Ninh Thuận)

...

Tái hiện hiện thực bằng âm thanh âm nhạc và động tác cách điệu

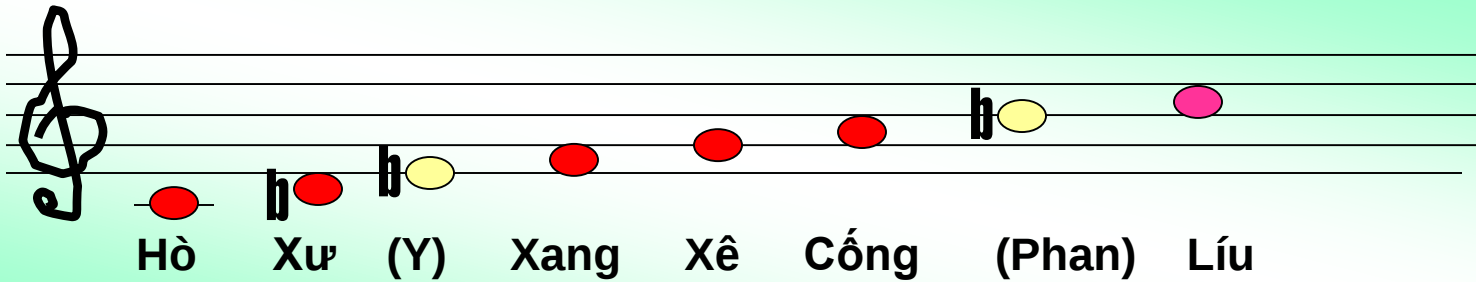
- Âm nhạc dân gian
- Các hình thức diễn xướng dân gian

NHẠC LUẬT, NHẠC CỤ, NHẠC CÔNG

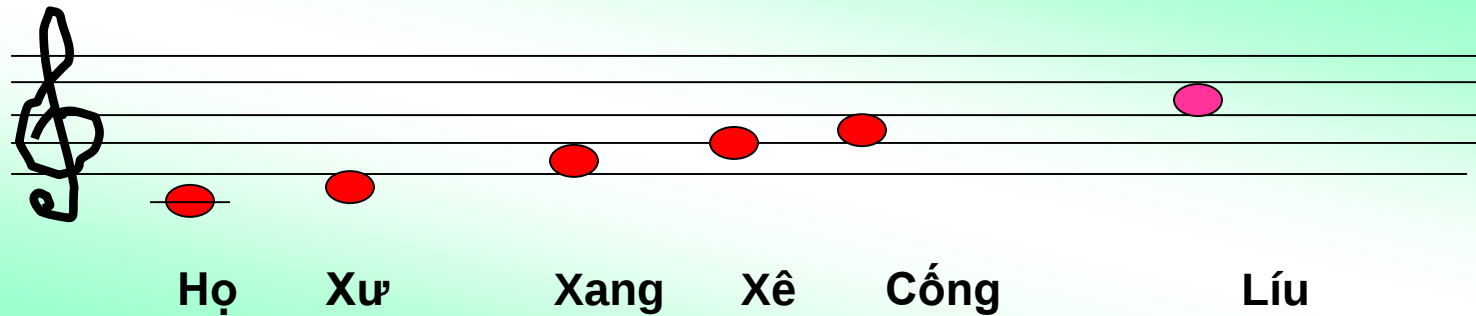
Tiêu chí	Diễn giải
Thang âm	 Hò Xự (Y) Xang Xê Cống (Phan) Lú Ú (Ý) Xáng
Lưu giữ	Trí nhớ nhạc công
Truyền dạy	Truyền khẩu, truyền ngón
Chuyển âm	Linh hoạt (già non)
Nhạc cụ	Bàn phím không chính xác, kĩ thuật nhấn nhá.

THANG ÂM NGŨ CUNG

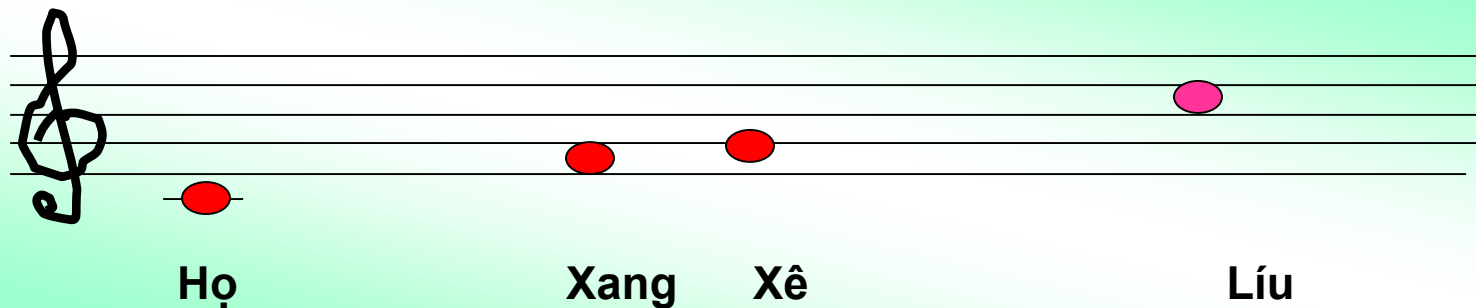
Ngũ cung tổng quát



Ngũ cung Bắc



Ngũ cung hiện đại



Long Hồ Hội

*
Hò xư hò xg xư xg xê cg xê liu cg
liu Hò xư xg Hò xg xư xg xư hò xê Cg hò
xê xg xư hò xê Liu cg xê liu cg xê xg Hò xư
xg Xư xg xê xg xê cg hò

Lý Qua Đèo

Sưu tầm và ký âm : Nguyễn Hữu Ba

The musical score is written on five staves. The first staff begins with a treble clef and a common time signature 'C'. The lyrics are: Liu liu Cg xê xg xê cg xê xg cg xê. The second staff continues the melody with lyrics: xg xê xê xê liu u y u y u liu xê xê liu u y u y u. The third staff has lyrics: liu Xg xê cg xê xg Liu cg xê u xg xê cg xê. The fourth and fifth staves contain musical notation without lyrics. Two red arrows point to specific notes: one on the second staff, fourth measure, and another on the second staff, eighth measure.

Liu liu Cg xê xg xê cg xê xg cg xê

xg xê xê xê liu u y u y u liu xê xê liu u y u y u

liu Xg xê cg xê xg Liu cg xê u xg xê cg xê

Thu Hồ

*
Xê cồng hò hò hò xư xang Xư hò cg xê xg cg
xê Xê cg hò hò hò xư xang Xư hò cg xê xg cg
xê Xê cg liu u cg liu u U u liu u liu cg
xê Xê cg liu u liu cg xê Liu cg xê liu cg xê
xg Xư hò cg xê xg cg xê

Ngũ Hành	Kim	Mộc	Thủy	Hoả	Thổ
Tiêu chí					
Tạng	Phổi	Gan	Thận	Tim	Lá lách
Âm thanh phát ra	Vang vang	Dài dài	Thanh thanh	Khàn khàn	Ồ ồ
Ngũ âm Việt Nam	Họ	Xư	Xang	Xê	Cổng
Ngũ âm Trung Hoa	Thương	Giốc	Vũ	Chủy	Cung

THỂ LOẠI (CÁC HÌNH THỨC) DIỄN XƯỞNG

Thể loại Bộ phận VH	Hò, vè	Hát	Ca	Ngâm
Dân gian	Hò vè truyền thống	Dân ca/Lượn Trống quân Hát cửa đình Hát Chèo Tuồng Đồ	Ca kể Khàn Ca Bài chòi	φ
Dân gian + Bác học	φ	φ	Ca Trù Ca Huế Ca vọng cổ	Sa Mạc Huế Tao Đàn
Bác học	φ	Tuồng Pho	Ca Thài (Nhã Nhạc)	φ

Một số loại thể tiêu biểu

□ Diễn xướng cấp 1

Hò, vè

Hát : Bài hát dân ca: Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ

Ca : Ca trù, ca Huế, ca vọng cổ

Ngâm thơ : điệu sa mạc, điệu Huế, điệu Tao đàn

□ Diễn xướng cấp 2

Chèo : thuần Việt – nước thù sân khấu Việt

Rối nước : thuần Việt – đặc thù sân khấu Việt

Tuồng đô: có mối quan hệ sân khấu Trung Hoa

Nghệ thuật chiến đấu **(Võ thuật)**

- * Đặc điểm võ dân gian Việt Nam**
- * Võ Việt Nam trong bối cảnh Đông Á**
(so sánh với võ thuật một số nước)

Nguồn gốc võ bản địa

Do điều kiện địa lý, điều kiện sống:

- **Chống chọi thiên nhiên, thú dữ**
- **Chống lại các thế lực thù địch**
- **Rèn luyện để có sức khỏe phục vụ lao động sản xuất**

Đặc điểm

- Quan sát thú dữ để đối phó, đồng thời bắt chước động tác thú dữ để chiến đấu: đánh cọp, chống trả và diệt cá sấu, trù trăn...
- Vừa tập thể lực vừa trí lực: tìm các tư thế để quật ngã đối phương -> **võ vật**
- Sáng tạo vũ khí thô sơ nhưng có hiệu quả
- Tiếp thu, dung hợp các nguồn võ ngoại nhập
- Kết hợp võ vật và võ trện (võ dân gian và võ kinh) -> võ cổ truyền
- Võ học gắn với võ đạo

So sánh sân khấu dân gian Việt Nam và sân khấu phương Tây

Sân khấu Tiêu chí	Việt Nam	Phương Tây
Trình diễn	Tổng hợp	Phân tích.
Thể loại	Tuồng, chèo	Bi, hài, múa, hát
	Rối nước	Rối cạn
Sân khấu	Không cao và rất gần với khán giả	Cao và có khoảng cách với khán giả
Diễn xuất	Linh hoạt -> động	Bài bản nghiêm ngặt -> tĩnh (tam duy nhất)
Động tác	Cách điệu, mô phỏng bằng thủ pháp ước lệ, tượng trưng	Tả thực

Tái hiện hiện thực bằng ngôn từ **(Thơ văn dân gian)**

Phân loại theo hình thức		Phân loại theo nội dung phản ánh
Văn vần	4/4/4 5/5/5 6/8, 7/7/6/8 Hình thức khác Trường ca	- Thành ngữ - Tục ngữ, ngạn ngữ, cách ngôn, châm ngôn - Ca dao, đồng dao - Sử thi
Văn xuôi	Truyện kể Văn cúng bái	- Thần Thoại, truyện cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn

NỘI DUNG THƠ VĂN DÂN GIAN

+ Phản ánh, tái hiện tự nhiên:

- Đề tài quan sát các hiện tượng tự nhiên
- Đề tài miêu tả cảnh sắc thiên nhiên của quê hương đất nước.
- Đề tài ứng xử với tự nhiên phản ánh thái độ tôn trọng tự nhiên, dung hợp với tự nhiên, cả tinh thần dũng cảm, kiên cường chống chọi sự tấn công của tự nhiên.

+ Phản ánh, tái hiện xã hội:

- Đề tài lao động sản xuất phản ánh cuộc sống mưu sinh của người bình dân.
- Đề tài ứng xử xã hội phản ánh những mối quan hệ trong đời sống xã hội, những kinh nghiệm trong đối nhân xử thế, kinh nghiệm trong đấu tranh chống lại cái ác, cái xấu.
- Đề tài tình yêu thiên nhiên, đất nước, cuộc sống, con người, muôn vật

□ Nhìn chung, thơ văn dân gian phản ánh phong tục tập quán của người bình dân trên nhiều bình diện như: tâm lý tình cảm, hoạt động mưu sinh, quan hệ và ứng xử với tự nhiên và xã hội.

Văn hoá tái hiện của người bình dân

- **Sự hiện diện sáu loại hình nghệ thuật truyền thống + các loại hình nghệ thuật đặc thù của dân tộc.**
- **Sự hiện diện của tư duy nghệ thuật của nhiều loại hình văn hoá.**
- **Tính tổng hợp về chất liệu, vật liệu, phương thức thể hiện**
- **Xu hướng dùng thủ pháp tả thực nhiều hơn các thủ pháp khác.**
- **Xu hướng chủ đề trần thế nhiều hơn ngoài trần thế.**
- **Dung hợp và sáng tạo trong quá trình tiếp xúc nghệ thuật thế giới.**

NHẬN XÉT VỀ CẤU TRÚC VĂN HOÁ DÂN GIAN?

2.5. GIÁ TRỊ CỦA VĂN HOÁ DÂN GIAN VIỆT NAM

Giá trị ?

2.5.1. Giá trị của VHKG từ góc độ nội quan

+ VKHG lưu giữ hệ giá trị và hệ thống biểu tượng văn hoá dân tộc

- *Hệ giá trị*

- *Hệ thống biểu tượng*

- *Hệ thống biểu tượng văn hoá dân tộc*

+ VKHG góp phần hình thành bản sắc văn hoá dân tộc

BẢN SẮC VĂN HOÁ

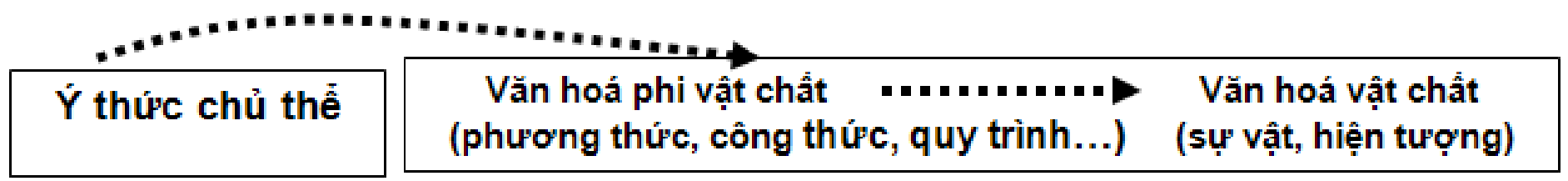
* **Bản sắc văn hoá** (The cultural identity)

là sự tập hợp một cách có hệ thống các kiểu quan hệ đặc trưng nhất của một cộng đồng.

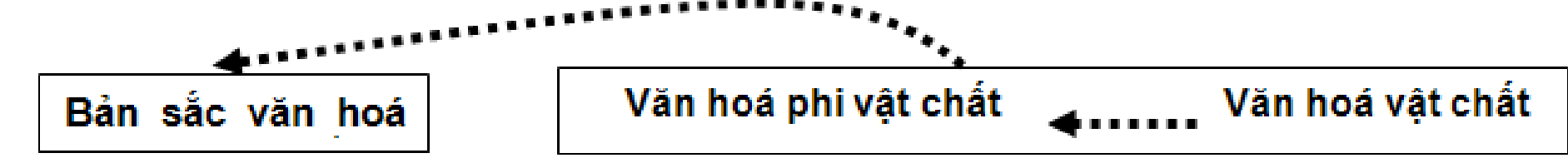
Đối chiếu, so sánh	Khảo sát bản thể		
	tính đặc thù (có nét riêng)	tính đồng nhất (phổ biến)	tính thường trực, ổn định (phổ biến, lặp đi lặp lại)
			tính giá trị (hữu dụng)
BẢN SẮC MỘT ĐỐI TƯỢNG			

Bản sắc văn hoá và nghiên cứu bản sắc văn hoá

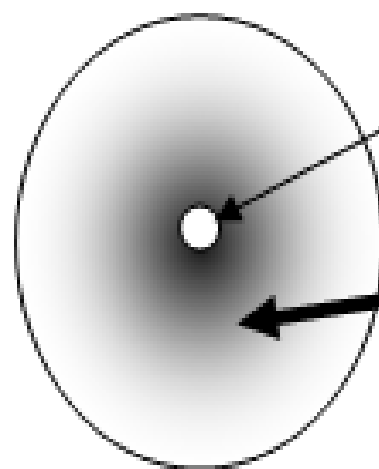
Sơ đồ 4: Ý thức chủ thể chi phối sáng tạo văn hoá



Sơ đồ 5: Hướng nghiên cứu, lần tìm bản sắc văn hoá



Sơ đồ 3:



Bản sắc văn hoá

Văn hoá phi vật chất

2.5.2. Giá trị của VHĐG từ góc độ ngoại quan

- *Nhiều giá trị của văn hoá dân gian Việt Nam được bạn bè trên thế giới yêu mến và quý trọng*
- *Không ít công trình VH được UNESCO công nhận là di sản VH TG*

Câu hỏi thảo luận 6

Ý KIẾN CỦA ANH/CHỊ VỀ GIÁ TRỊ
CỦA VHĐG?



Chúc
các bạn
đạt
kết quả
cao trong
kì thi
sắp tới !

□ Địa chỉ LIÊN LẠC
GIẢNG VIÊN:

trlong60@gmail.com

□ **0918292053**



TẠM BIỆT CÁC BẠN